

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **5882**/BNV-TCBCHà Nội, ngày **09** tháng **11** năm **2017**

V/v sơ kết tình hình thực hiện
Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày
06/01/2017 của Thủ tướng
Chính phủ

Kính gửi:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện chủ trương tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW); Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, ngày 06/01/2017 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 02/CT-TTg). Để chuẩn bị tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg, Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Bộ, ngành, địa phương) báo cáo kết quả 01 năm triển khai Chỉ thị số 02/CT-TTg tại Bộ, ngành, địa phương mình theo Đề cương (kèm theo công văn này).

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 15/12/2017 (kèm theo file mềm theo địa chỉ mail: vuthephuoc@moha.gov.vn) để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu VT, TCBC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Duy Thăng**



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Sơ kết ~~1 năm thực hiện~~ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017
của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện

• chủ trương tinh giản biên chế

(kèm theo Công văn số ~~502~~ 502/BNV-TCBC ngày 09/11/2017 của Bộ Nội vụ)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Quyết định số 2218/QĐ-TTg, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Chỉ thị số 02/CT-TTg theo các nội dung sau:

1. Về việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Quyết định số 2218/QĐ-TTg, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Chỉ thị số 02/CT-TTg tại Bộ, ngành, địa phương.

2. Về công tác phổ biến tuyên truyền về chủ trương tinh giản biên chế tại Bộ, ngành, địa phương.

3. Về xây dựng Đề án, Kế hoạch tinh giản biên chế

Đề nghị báo cáo rõ việc xây dựng và phê duyệt Đề án tinh giản biên chế, kế hoạch tinh giản biên chế của Bộ, ngành, địa phương mình đến năm 2021 và từng năm (gửi kèm theo Đề án, Kế hoạch), trong đó:

- Tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 là bao nhiêu ... người, tương ứng với ...% so với năm 2015.

- Tỷ lệ tinh giản biên chế của từng năm (2017, 2018, 2019, 2020, 2021) là bao nhiêu ... người, tương ứng với ...% so với năm 2015.

4. Về rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

4.1. Về rà soát chức năng, nhiệm vụ:

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương báo cáo về việc rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc. Trong đó nêu rõ những nhiệm vụ đã phân cấp cho cơ quan cấp dưới thực hiện; những nhiệm vụ đã chuyển cho các tổ chức ngoài nhà nước đảm nhận.

4.2. Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy:

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương báo cáo số liệu về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm **tháng 4/2015** (thời điểm ban

hành Nghị quyết số 39-NQ/TW), tháng 01/2017 (thời điểm ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg) và thời điểm tháng 12/2017, cụ thể như sau:

a) Đối với Bộ, ngành:

- Số lượng tổ chức tổng cục, cục, vụ (ban) thuộc Bộ, ngành.
- Số lượng tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của tổng cục và tương đương (cục, vụ); số lượng tổ chức của cục thuộc tổng cục (chi cục, phòng).
- Số lượng tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của Cục, Vụ thuộc Bộ (chi cục, phòng).
- Số lượng và cơ cấu tổ chức bên trong của các tổ chức hành chính khác.
- Báo cáo số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, chia ra: (1) Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, ngành; (2) thuộc Tổng cục, cục thuộc Bộ; (3) thuộc Cục thuộc Tổng cục, chi cục thuộc Cục và các tổ chức khác nếu có.
- Báo cáo về việc quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực.

b) Đối với địa phương:

- Tổng hợp số lượng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.
- Số lượng tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (số lượng phòng và tương đương, chi cục,...).
- Các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và tổng số tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của tổ chức này.
- Số lượng và cơ cấu tổ chức bên trong của các tổ chức hành chính khác (nếu có).
- Báo cáo số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, chia ra: (1) Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (2) thuộc Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (3) thuộc các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và các tổ chức hành chính nhà nước khác; (4) thuộc chi cục và tương đương; (5) thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Báo cáo kết quả sắp xếp lại mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn; sắp xếp lại mạng lưới các trường, lớp; sắp xếp lại mạng lưới các đơn vị sự nghiệp y tế trên địa bàn.

5. Về thực hiện tinh giản biên chế

- Kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong từng năm 2015, 2016, 2017.
- Số người nghỉ hưu, thôi việc trong từng năm 2015, 2016, 2017.
- Số biên chế công chức, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp) trong từng năm 2015, 2016, 2017.
- Số biên chế công chức, số người làm việc tăng giảm của năm 2017 so với năm 2015, tương ứng với tỷ lệ ... %.

6. Về thực hiện xã hội hóa và cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện xã hội hóa và cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý trong giai đoạn 2015-2017, cụ thể như sau:

- Số lượng đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (xã hội hóa) giai đoạn 2015-2017; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (xã hội hóa).

- Số lượng đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính (chi tiết từng mức tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ).

- Báo cáo việc đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập về: Xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức, số lượng người làm việc theo Chỉ thị số 02-CT/TTg và Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Hạn chế

3. Nguyên nhân của những hạn chế

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về tổ chức bộ máy

2. Về biên chế và tinh giản biên chế. / *za*